

Số: **43** /KH-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **06** tháng 01 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**Tổ chức hoạt động và kinh phí chăm lo Tết Tân Sửu năm 2021**

Thực hiện Kết luận số 25-KL/TU ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ban Thường vụ Thành ủy về Kế hoạch tổ chức hoạt động và kinh phí chăm lo Tết Tân Sửu năm 2021 và Kế hoạch tổ chức các Đoàn đại biểu Thành phố đi thăm các cá nhân, đơn vị nhân dịp Tết Tân Sửu năm 2021; xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 35922/TTr-SLĐTBXH-KH ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Công văn số 38673/SLĐTBXH-KH ngày 22 tháng 12 năm 2020, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động và kinh phí chăm lo Tết Tân Sửu năm 2021 như sau:

**I. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG**

1. Tổ chức các hoạt động chào đón năm mới, mừng Xuân, mừng Đảng nhằm tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc cho các cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang và nhân dân Thành phố, thi đua lập thành tích, phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời thể hiện sự quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân của các cấp ủy Đảng, chính quyền Thành phố.

2. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công, tăng cường các giải pháp hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần. Đảm bảo gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh và người có công với cách mạng có mức sống bằng và khá hơn so với mức sống trung bình của hộ dân tại địa bàn dân cư.

3. Thực hiện chỉnh trang, tôn tạo các nghĩa trang liệt sĩ và đài tưởng niệm, đền thờ liệt sĩ và nhà bia ghi tên liệt sĩ. Thường trực Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Thường trực Ủy ban nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố tổ chức Đoàn đại biểu viếng Nghĩa trang Liệt sĩ Thành phố, Nghĩa trang Thành phố (Lạc Cảnh), Đền Tưởng niệm Liệt sĩ Bến Dược - Củ Chi, Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Củ Chi, Nghĩa trang Chính sách Thành phố và Nhà tưởng niệm Bà Mẹ Việt Nam anh hùng - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Thị Ranch.

*(Ủy ban nhân dân Thành phố có Kế hoạch riêng)*

4. Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố tổ chức các buổi họp mặt cán bộ lão thành

cách mạng, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, các nhân sĩ trí thức, gia đình chính sách tiêu biểu, các đồng chí Thành ủy viên các khóa,...

**5.** Đi thăm, chúc tết các đồng chí nguyên cán bộ lãnh đạo cao cấp Trung ương đang sinh sống tại Thành phố, các đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo Thành phố. Lãnh đạo Trung ương và Thành phố đi thăm và chúc tết các cán bộ lão thành cách mạng, các cơ sở cách mạng cũ và gia đình chính sách có công, diện dân nghèo.

**6.** Đi thăm, tặng quà cán bộ lão thành cách mạng, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng là người dân tộc thiểu số, nguyên lãnh đạo Ban Hoa vận Thành ủy (Ban Công tác người Hoa) đã nghỉ hưu và người dân tộc thiểu số tiêu biểu.

**7.** Thăm, tặng quà tết cho các vị nguyên là Thành viên Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên minh các dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, nhân sĩ trí thức, chức sắc tôn giáo, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp cho công tác Mặt trận Tổ quốc Thành phố.

**8.** Thăm, tặng quà một số đơn vị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trú đóng trên địa bàn Thành phố; một số đơn vị của Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Bộ đội biên phòng Thành phố và các đơn vị y tế, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội, bảo trợ xã hội làm nhiệm vụ trực trong dịp Tết Tân Sửu năm 2021.

**9.** Thăm, tặng quà các tướng lĩnh, gia đình tướng lĩnh; gia đình có con em đang làm nhiệm vụ tại Quần đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1; các cựu tù chính trị và tù binh chưa được hưởng chế độ chính sách có hoàn cảnh khó khăn; diện chính sách có công, dân nghèo và bảo trợ xã hội do quận, huyện quản lý, người bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 gặp khó khăn; cán bộ, công chức, viên chức và người lao động khu vực hành chính sự nghiệp và các hộ giữ rừng Cần Giờ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

## **II. VỀ ĐỐI TƯỢNG, MỨC CHI VÀ KINH PHÍ TẶNG QUÀ**

### **1. Về đối tượng và mức chi:**

**1.1.** Quà đi thăm, chúc tết theo Công văn số 9712-CV/BTCTU ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Ban Tổ chức Thành ủy:

a) Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố đi thăm, chúc tết các đồng chí nguyên cán bộ lãnh đạo cao cấp của Trung ương hiện đang sinh sống tại Thành phố và các đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo của Thành phố: Mức chi 6.500.000 đồng/suất (tiền mặt 5.000.000 đồng và quà 1.500.000 đồng); 192 người.

b) Ban Tổ chức Thành ủy đi thăm, chúc tết:

- Các đồng chí lão thành cách mạng: Mức chi 6.500.000 đồng/suất (tiền mặt 5.000.000 đồng và quà 1.500.000 đồng); 47 người.

- Vợ Liệt sĩ tiêu biểu: Mức chi 4.500.000 đồng/suất (tiền mặt 3.000.000 đồng và quà 1.500.000 đồng); 10 người.

- Con Liệt sĩ tiêu biểu: Mức chi 1.000.000 đồng/suất; 44 người.

c) Đưa gia đình thân nhân liệt sĩ tiêu biểu đi viếng Nghĩa trang Liệt sĩ Thành phố.

d) Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố đi thăm, chúc tết các giáo sư, bác sĩ chuyên khoa đầu ngành các bệnh viện trong thành phố và Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương.

đ) Câu lạc bộ Hữu trí Thành phố đi thăm, chúc tết cán bộ và tổ chức họp mặt hội viên.

**1.2.** Quà cho Đoàn lãnh đạo Trung ương, lãnh đạo Thành phố đi thăm, chúc tết các đồng chí lão thành cách mạng, đơn vị cơ sở cách mạng cũ và gia đình có công, các hộ dân nghèo; Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp đón các đoàn khách tỉnh, thành phố, các đơn vị lực lượng vũ trang, quân đội đến thăm chúc tết tại trụ sở cơ quan theo Công văn số 7806/VP-QTTV ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

**1.3.** Tặng quà tết theo Công văn số 1886/MTTQ-BTT ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và Công văn số 221-CV/BTCTU ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ban Tổ chức Thành ủy:

- Các vị nguyên là Thành viên Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam: Mức chi 4.000.000 đồng/suất, 46 người;

- Các vị nguyên là Thành viên Ủy ban Trung ương Liên minh các dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, các vị nhân sĩ trí thức, chức sắc tôn giáo, cá nhân tiêu biểu có nhiều đóng góp cho công tác Mặt trận Tổ quốc Thành phố: Mức chi 3.100.000 đồng/suất; 106 người.

**1.4.** Quà thăm, chúc tết theo đề nghị của Ban Dân tộc Thành phố tại Công văn số 329/BDT-CSĐT ngày 16 tháng 9 năm 2020 và Công văn số 366/BDT-KHTH ngày 15 tháng 10 năm 2020:

a) Thăm, tặng quà các cán bộ lão thành cách mạng, nhân sĩ trí thức, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, các đồng chí lãnh đạo Ban Hoa vận Thành ủy (Ban công tác người Hoa) đã nghỉ hưu: Mức chi 2.000.000 đồng/suất (tiền mặt 1.500.000 đồng và quà 500.000 đồng); 15 người.

b) Thăm, tặng quà người dân tộc thiểu số tiêu biểu trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội: Mức chi 1.300.000 đồng/suất; 41 người.



c) Thăm, tặng quà các gia đình ở các tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng, Đồng Nai và huyện Củ Chi, Hóc Môn, các quận nội thành của Thành phố: Mức chi 2.000.000 đồng/suất; 113 gia đình và 10 cơ sở tín ngưỡng.

**1.5.** Quà thăm các vị trí thức cao niên theo danh sách của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố: Mức chi 1.300.000 đồng/suất; 40 người.

**1.6.** Quà thăm các đồng chí là cựu tù chính trị và tù binh chưa được hưởng chế độ chính sách có hoàn cảnh khó khăn theo danh sách của Ban Liên lạc Cựu tù chính trị và tù binh Thành phố: Mức chi 1.200.000 đồng/suất; 120 người.

**1.7.** Thăm, tặng quà cho các đơn vị, cá nhân:

a) Tặng quà 159 đơn vị trực trong các ngày Tết, gồm: 58 đơn vị quân đội; 18 đơn vị Công an; 14 đơn vị Bộ đội biên phòng; 35 cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội và bảo trợ xã hội; 34 đơn vị y tế (mức chi gồm tiền mặt và quà 2.000.000 đồng cho mỗi đơn vị) và 81 khu, đội quản lý học viên tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội (mức chi 5.000.000 đồng/khu, đội).

b) Tặng quà 188 tướng lĩnh, gia đình tướng lĩnh: Mức chi 6.200.000 đồng/suất (tiền mặt 5.000.000 đồng và quà 1.200.000 đồng).

c) Hỗ trợ tiền ăn tết cho 2.900 chiến sĩ trực sẵn sàng chiến đấu: Mức ăn là 62.000 đồng/người/ngày, 03 ngày.

d) Tặng quà 150 gia đình có con em đang làm nhiệm vụ tại Quân đảo Trường Sa, Nhà giàn DK1: Mức chi 2.700.000 đồng/suất (tiền mặt 2.000.000 đồng và quà 700.000 đồng).

**1.8.** Quà tết cho diện sách chính sách có công, dân nghèo, bảo trợ xã hội:

a) Diện chính sách có công:

- Mức chi 4.000.000 đồng/suất: Đối với các vị nguyên là Thành viên Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam (46 người).

- Mức chi 3.100.000 đồng/suất: Đối với cán bộ lão thành cách mạng, các vị nguyên là Thành viên Ủy ban Trung ương Liên minh các dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, nhân sĩ trí thức, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống, thương binh nặng đặc biệt (kể cả loại B), bệnh binh đặc biệt, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên có bệnh tật đặc biệt nặng (479 người).

- Mức chi 1.700.000 đồng/suất: Đối với thương binh 1/4 (kể cả loại B), bệnh binh 1/3, cán bộ Tiền khởi nghĩa, Anh hùng Lực lượng vũ trang và Anh hùng Lao động trong kháng chiến, các đồng chí tử tù, thân nhân liệt sĩ hưởng trợ cấp nuôi dưỡng, thân nhân của 02 liệt sĩ trở lên, người có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp nuôi dưỡng kể cả số hưởng từ ngân sách

thành phố, người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên (1.200 người).

- Mức chi 1.300.000 đồng/suất: Đối với thương binh 2/4, 3/4, 4/4 (kể cả loại B); bệnh binh 2/3, 3/3; thương binh và thân nhân liệt sĩ do Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Bộ đội Biên phòng Thành phố quản lý - tại chức; thân nhân của 01 liệt sĩ, vợ hoặc chồng liệt sĩ có chồng hoặc vợ khác; hưu trí quân đội, hưu trí viên chức (có cả hưu trí diện KT3); tai nạn lao động; cán bộ phường - xã, thị trấn nghỉ hưu, mất sức lao động, trợ cấp theo Quyết định số 91/2010/QĐ-TTg, trợ cấp theo Quyết định số 613/QĐ-TTg; người và gia đình có công giúp đỡ cách mạng hưởng trợ cấp định suất cơ bản, kể cả số hưởng từ ngân sách thành phố; người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tra tấn tù đầy; thân nhân liệt sĩ hưởng chính trị, diện thờ cúng liệt sĩ, thân nhân thờ cúng Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng; người hưởng trợ cấp tuất ưu đãi Lão thành cách mạng, tuất Tiền khởi nghĩa, tuất thương binh 1/4 + 2/4, tuất bệnh binh 1/3 + 2/3, tuất người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 80% trở xuống và con đẻ của họ; quân nhân hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg; người phục vụ Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; người phục vụ thương binh 1/4; người phục vụ bệnh binh 1/3; người phục vụ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg (291.854 người).

b) Diện hộ nghèo: Mức chi 1.250.000 đồng/suất, gồm: hộ nghèo nhóm 1, nhóm 2 còn lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 (có 01 hoặc 02 tiêu chí thu nhập từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống, thiếu hụt từ 40 điểm trở lên); hộ nghèo nhóm 1, nhóm 2 chuyển sang hộ nghèo nhóm 3a (thu nhập trên 28 - 36 triệu đồng/người/năm và thiếu hụt từ 40 điểm trở lên); hộ nghèo nhóm 1, nhóm 2 chuyển sang hộ cận nghèo (thu nhập trên 28 - 36 triệu đồng/người/năm và thiếu hụt dưới 40 điểm); hộ nghèo nhóm 1, nhóm 2 mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo (thu nhập trên 36 triệu đồng/người/năm và thiếu hụt dưới 40 điểm) trong đợt kiểm tra hiệu quả giảm nghèo năm 2020 (18.682 hộ).

c) Diện bảo trợ xã hội: Mức chi 1.150.000 đồng/suất, gồm: người cao tuổi đủ 80 tuổi trở lên, diện trợ cấp xã hội thường xuyên, diện mất sức lao động chuyển sang hưởng trợ cấp xã hội (150.727 người).

**1.9.** Quà cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khu vực hành chính, sự nghiệp khối Thành phố, quận - huyện (kể cả các tổ chức Đảng,



Đoàn thể và cán bộ phường - xã, thị trấn) và một số cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc; cán bộ, nhân viên tại SOS Làng Trẻ em Thành phố: Mức chi 1.500.000 đồng/suất, 144.926 người.

**1.10.** Quà cho hộ giữ rừng Cần Giờ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn: Mức chi 1.000.000 đồng/suất, 32 hộ.

**1.11.** Quà cho các Sơ (điều dưỡng) đang công tác tại Bệnh viện Nhân Ái thuộc Sở Y tế: Mức chi 10.000.000 đồng (tiền mặt)/suất, 10 người.

**1.12.** Quà cho 120 trường hợp (người có công, người cao tuổi tròn 100 tuổi tiêu biểu và hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số nghèo) tại 24 quận, huyện được Lãnh đạo Thành phố thăm, chúc tết: Mức chi 5.000.000 đồng/suất (tiền mặt 3.000.000 đồng và quà 2.000.000 đồng).

**1.13.** Quà cho 24 trường hợp người bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 gặp khó khăn tại 24 quận, huyện được Lãnh đạo Thành phố thăm, chúc tết (mỗi quận, huyện 01 trường hợp): Mức chi 2.200.000 đồng/suất (tiền mặt 1.000.000 đồng và quà 1.200.000 đồng).

## **2. Về kinh phí:**

Tổng kinh phí dự kiến chăm lo cho các đối tượng trong dịp Tết Tân Sửu năm 2021 là **813.104.245.000 đồng** (*Tám trăm mười ba tỷ một trăm lẻ bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

(Đính kèm Phụ lục dự toán kinh phí chăm lo Tết Tân Sửu năm 2021).

## **III. TỔ CHỨC CÁC ĐOÀN ĐẠI BIỂU THÀNH PHỐ ĐI THĂM CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN NHÂN DỊP TẾT TÂN SỬU NĂM 2021**

**1.** Tổ chức 39 Đoàn đại biểu Thành phố đi thăm các cá nhân, đơn vị nhân dịp Tết Tân Sửu năm 2021.

### **2. Đối tượng thăm và chúc Tết:**

- Đi thăm các đơn vị: Theo đề nghị của Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố; các đơn vị y tế, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội và cơ sở bảo trợ xã hội do Thành phố quản lý;

- Đi thăm cá nhân: Các đồng chí Lão thành cách mạng, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, nhân sĩ trí thức, lãnh đạo Ban công tác người Hoa; người có công (02 gia đình/quận, huyện), người cao tuổi 100 tuổi trở lên (01 người/quận, huyện), hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số nghèo (02 hộ dân/quận, huyện) và người bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 gặp khó khăn (01 người/quận, huyện).

**3.** Thời gian tổ chức đi thăm do Trưởng Đoàn quyết định (trước hoặc sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng).

(Ủy ban nhân dân Thành phố có Kế hoạch riêng).

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giao Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về đối tượng và mức chi quà tặng; Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn về nguồn kinh phí và đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch (kể cả kinh phí phát sinh); phối hợp với Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai thực hiện Kế hoạch và thanh quyết toán kinh phí theo thực tế và đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra việc thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 09 tháng 02 năm 2021 (tức ngày 28 tháng 12 Âm lịch).

3. Giao Ủy ban nhân dân các quận, huyện cân đối dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 để bố trí kinh phí tặng quà Tết cho các đối tượng diện chính sách có công, diện dân nghèo, diện bảo trợ xã hội.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các Đoàn thể Thành phố phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện có kế hoạch chăm lo tết cho các gia đình chính sách, người nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội với mục tiêu: “Tết đến với mọi người, mọi nhà”, trên tinh thần “Đoàn kết, an toàn, vui tươi và tiết kiệm”./.

#### Nơi nhận:

- TTTU; TT HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy, các Ban của Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước Thành phố;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tư lệnh thành Phố; Công an Thành phố;
- BCH Bộ đội biên phòng Thành phố;
- Viện KSND Thành phố; TAND Thành phố;
- Các Sở - ngành, Đoàn thể Thành phố;
- UBND các quận, huyện;
- Văn phòng ĐDBQH và HĐND Thành phố;
- VPUB: CPVP; Các Phòng CV, QTTV;
- Lưu: VT, (VX-TC) 26.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hoan**

Phụ lục:



# **DỰ TOÁN KINH PHÍ CHĂM LO TẾT TÂN SỬU NĂM 2021**

Đính kèm Kế hoạch số **43** /KH-UBND ngày **06** tháng **01** năm 2021  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

\*

ĐVT: đồng

| NỘI DUNG                    |                                               | KINH PHÍ              |
|-----------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|
| <b>I. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG</b> |                                               | <b>14.760.795.000</b> |
| <b>1.</b>                   | <b>Lễ đặt vòng hoa các nghĩa trang</b>        | <b>432.295.000</b>    |
| <b>2.</b>                   | <b>Thành phố thăm và tặng quà các đơn vị:</b> | <b>6.992.000.000</b>  |
| a)                          | <b>Bộ Tư lệnh Thành phố:</b>                  | <b>4.160.000.000</b>  |
| a.1                         | Thăm các đơn vị:                              | 1.850.000.000         |
| 1                           | Bộ Tư lệnh Quân khu 7                         | 50.000.000            |
| 2                           | Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4                        | 50.000.000            |
| 3                           | Bộ Tư lệnh Hải quân phía Nam                  | 50.000.000            |
| 4                           | Bộ Tư lệnh Biên phòng phía Nam                | 50.000.000            |
| 5                           | Trường Đại học Nguyễn Huệ (LQ2)               | 50.000.000            |
| 6                           | Học Viện Lục Quân                             | 50.000.000            |
| 7                           | Bộ Tư lệnh Thành phố                          | 50.000.000            |
| 8                           | Bộ Tư lệnh Vùng 3 - Cảnh sát biển             | 50.000.000            |
| 9                           | Bộ Tư lệnh Vùng 4 - Hải quân                  | 50.000.000            |
| 10                          | Lữ đoàn 189/BTL Vùng 4 HQ                     | 50.000.000            |
| 11                          | Lữ đoàn 957/BTL Vùng 4 HQ                     | 50.000.000            |
| 12                          | Lữ đoàn 146/BTL Vùng 4 HQ                     | 50.000.000            |
| 13                          | Tàu ngầm HQ 183 TP.HCM                        | 50.000.000            |
| 14                          | Bộ Tư lệnh Vùng 2 - Hải quân                  | 50.000.000            |
| 15                          | Lữ đoàn 125 /BTL Vùng 2 Hải quân              | 50.000.000            |
| 16                          | Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân                    | 50.000.000            |
| 17                          | Bộ Tư lệnh Vùng 4 - Cảnh sát biển             | 50.000.000            |
| 18                          | Trung tâm Huấn luyện/BTL Vùng 4               | 50.000.000            |
| 19                          | Trường Quân sự Quân khu 7                     | 30.000.000            |
| 20                          | Trường Đại học Trần Đại Nghĩa                 | 30.000.000            |
| 21                          | Trường sĩ quan Công binh                      | 30.000.000            |
| 22                          | Trường bắn Quốc gia KV3                       | 30.000.000            |
| 23                          | Trường Cao đẳng Quân y 2                      | 30.000.000            |
| 24                          | Lữ đoàn Thông tin 596/BTL Thông tin           | 30.000.000            |
| 25                          | Trung đoàn Gia Định                           | 30.000.000            |
| 26                          | Sư đoàn 5/Quân khu 7                          | 30.000.000            |
| 27                          | Sư đoàn 302/Quân khu 7                        | 30.000.000            |
| 28                          | Sư đoàn 317/Quân khu 7                        | 30.000.000            |



| NỘI DUNG |                                                                                                                                                                                                                                                   |  | KINH PHÍ      |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------|
| 29       | Sư đoàn 7/Quân đoàn 4                                                                                                                                                                                                                             |  | 30.000.000    |
| 30       | Sư đoàn 9/Quân đoàn 4                                                                                                                                                                                                                             |  | 30.000.000    |
| 31       | Sư đoàn 309/Quân đoàn 4                                                                                                                                                                                                                           |  | 30.000.000    |
| 32       | Sư đoàn Không quân 370                                                                                                                                                                                                                            |  | 30.000.000    |
| 33       | Sư đoàn Phòng không 367                                                                                                                                                                                                                           |  | 30.000.000    |
| 34       | Lữ đoàn Phòng không 77/Quân khu 7                                                                                                                                                                                                                 |  | 30.000.000    |
| 35       | Lữ đoàn Thông tin 23/Quân khu 7                                                                                                                                                                                                                   |  | 30.000.000    |
| 36       | Lữ đoàn Công binh 25/Quân khu 7                                                                                                                                                                                                                   |  | 30.000.000    |
| 37       | Lữ đoàn Tăng - Thiết giáp 26                                                                                                                                                                                                                      |  | 30.000.000    |
| 38       | Lữ đoàn Pháo binh 75                                                                                                                                                                                                                              |  | 30.000.000    |
| 39       | Lữ đoàn Pháo binh 10 - Bộ Tư lệnh Pháo binh                                                                                                                                                                                                       |  | 30.000.000    |
| 40       | Cục 12 - Tổng cục II                                                                                                                                                                                                                              |  | 30.000.000    |
| 41       | Đoàn 2/Tổng cục Chính trị                                                                                                                                                                                                                         |  | 30.000.000    |
| 42       | Trung đoàn 4/f5/Quân khu 7                                                                                                                                                                                                                        |  | 20.000.000    |
| 43       | Trung đoàn 5/f5/Quân khu 7                                                                                                                                                                                                                        |  | 20.000.000    |
| 44       | Trung đoàn 271/f5/Quân khu 7                                                                                                                                                                                                                      |  | 20.000.000    |
| 45       | Trung đoàn 88/f302/Quân khu 7                                                                                                                                                                                                                     |  | 20.000.000    |
| 46       | Trung đoàn 263 Tên lửa/fPK 367                                                                                                                                                                                                                    |  | 20.000.000    |
| 47       | Trung đoàn 10/BTL Thành phố                                                                                                                                                                                                                       |  | 20.000.000    |
| 48       | Trung đoàn 276/f367                                                                                                                                                                                                                               |  | 20.000.000    |
| 49       | Trung đoàn Ra đa 294/f367                                                                                                                                                                                                                         |  | 20.000.000    |
| 50       | Trung đoàn 230/f367                                                                                                                                                                                                                               |  | 20.000.000    |
| 51       | Tiểu đoàn KSQS 31/BTL Thành phố                                                                                                                                                                                                                   |  | 10.000.000    |
| 52       | Tiểu đoàn Thiết giáp/BTL Thành phố                                                                                                                                                                                                                |  | 10.000.000    |
| 53       | Tiểu đoàn KSQS 180/Bộ Tham mưu - Quân khu 7                                                                                                                                                                                                       |  | 10.000.000    |
| 54       | Tiểu đoàn Trinh sát 47/Bộ Tham mưu - Quân khu 7                                                                                                                                                                                                   |  | 10.000.000    |
| 55       | Tiểu đoàn Đặc công 60 Bộ tham mưu - Quân khu 7                                                                                                                                                                                                    |  | 10.000.000    |
| 56       | Tiểu đoàn 38 Hóa học Bộ Tham mưu - Quân khu 7                                                                                                                                                                                                     |  | 10.000.000    |
| 57       | Tiểu đoàn 10/Bộ Tham mưu - Quân khu 7                                                                                                                                                                                                             |  | 10.000.000    |
| 58       | Tiểu đoàn Tác chiến điện tử 94/Bộ Tham mưu - Quân khu 7                                                                                                                                                                                           |  | 10.000.000    |
| a.2      | Tổ chức các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân                                                                                                                                                                                                        |  | 100.000.000   |
| a.3      | Thăm tặng quà 30 hộ đồng bào Khmer, 08 cơ sở tôn giáo, 30 hộ gia đình lực lượng chính trị nông cốt có hoàn cảnh khó khăn, 30 hộ gia đình chính sách khu vực vàng đai đóng quân, 30 hội viên Hội Phụ nữ Bộ Tư lệnh Thành phố có hoàn cảnh khó khăn |  | 100.000.000   |
| a.4      | Thăm tặng quà 188 Tướng lĩnh, gia đình Tướng lĩnh<br>(6.200.000 đồng/suất: tiền mặt 5.000.000 đồng và quà 1.200.000 đồng)                                                                                                                         |  | 1.165.600.000 |
| a.5      | Quà tết cho 150 gia đình có con em thường trú tại Thành phố đang làm nhiệm vụ tại Quần đảo Trường Sa và Nhà giàn DK1<br>(2.700.000 đồng/suất: tiền mặt 2.000.000 đồng và quà 700.000 đồng)                                                        |  | 405.000.000   |

| NỘI DUNG |                                                                                                                                                                             |  | KINH PHÍ             |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------|
| a.6      | Hỗ trợ tiền ăn Tết trong 03 ngày tết ngoài chế độ quy định của Bộ Quốc phòng cho lực lượng vũ trang trực sẵn sàng chiến đấu (62.000 đồng/người/ngày x 2.900 người x 3 ngày) |  | 539.400.000          |
| b)       | <b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:</b>                                                                                                                                 |  | <b>1.984.000.000</b> |
| b.1      | Thăm các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy:                                                                                                       |  | 858.000.000          |
| 1        | Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè (02 cơ sở)                                                                                                         |  | 30.000.000           |
| 2        | Trung tâm Điều dưỡng người bệnh tâm thần                                                                                                                                    |  | 25.000.000           |
| 3        | Trung tâm Bảo trợ xã hội Tân Hiệp                                                                                                                                           |  | 25.000.000           |
| 4        | Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa                                                                                                                                      |  | 25.000.000           |
| 5        | Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Đức                                                                                                                                           |  | 25.000.000           |
| 6        | Cơ sở Cai nghiện ma túy - Bảo trợ xã hội Phú Văn                                                                                                                            |  | 25.000.000           |
| 7        | Cơ sở Cai nghiện ma túy Đức Hạnh                                                                                                                                            |  | 25.000.000           |
| 8        | Trung tâm Điều dưỡng tâm thần Tân Định                                                                                                                                      |  | 25.000.000           |
| 9        | Cơ sở xã hội Thanh Thiếu niên 2                                                                                                                                             |  | 25.000.000           |
| 10       | Cơ sở Cai nghiện ma túy Bồ Lả                                                                                                                                               |  | 25.000.000           |
| 11       | Cơ sở Cai nghiện ma túy Phú Nghĩa                                                                                                                                           |  | 25.000.000           |
| 12       | Cơ sở Cai nghiện ma túy Phú Đức                                                                                                                                             |  | 25.000.000           |
| 13       | Cơ sở Cai nghiện ma túy Phước Bình                                                                                                                                          |  | 25.000.000           |
| 14       | Trung tâm Dưỡng lão Thị Nghè                                                                                                                                                |  | 25.000.000           |
| 15       | Trung tâm Nuôi dưỡng bảo trợ người bại liệt Thanh Lộc                                                                                                                       |  | 20.000.000           |
| 16       | Trung tâm Hỗ trợ xã hội                                                                                                                                                     |  | 18.000.000           |
| 17       | Trung tâm Bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh                                                                                                                             |  | 18.000.000           |
| 18       | Trung tâm NDBT trẻ em Gò Vấp                                                                                                                                                |  | 12.000.000           |
| 19       | Trung tâm NDBT trẻ em Tam Bình                                                                                                                                              |  | 12.000.000           |
| 20       | Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội                                                                                                                                           |  | 12.000.000           |
| 21       | Trung tâm NDBT trẻ em Linh Xuân                                                                                                                                             |  | 12.000.000           |
| 22       | Làng Thiếu niên Thủ Đức                                                                                                                                                     |  | 12.000.000           |
| 23       | Hội Người mù Thành phố                                                                                                                                                      |  | 12.000.000           |
| 24       | Nhà Dưỡng lão nghệ sĩ                                                                                                                                                       |  | 12.000.000           |
| 25       | Hạt Kiểm lâm Cần Giờ                                                                                                                                                        |  | 12.000.000           |
| 26       | Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định                                                                                                                                    |  | 8.000.000            |
| 27       | SOS Làng Trẻ em Thành phố Hồ Chí Minh (Gò Vấp)                                                                                                                              |  | 8.000.000            |
| 28       | Cơ sở Tư vấn và Cai nghiện ma túy Bình Triệu                                                                                                                                |  | 30.000.000           |
| 29       | Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục dạy nghề Thiếu niên Thành phố                                                                                                          |  | 20.000.000           |
| 30       | Trung tâm Bảo trợ - Dạy nghề và Tạo việc làm Thành phố                                                                                                                      |  | 20.000.000           |
| 31       | 53 khu quản lý học viên của các cơ sở xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (5.000.000 đồng/khu)                                        |  | 265.000.000          |
| b.2      | Thăm các đơn vị y tế:                                                                                                                                                       |  | 462.000.000          |
| 1        | Bệnh viện Nhân Ái                                                                                                                                                           |  | 30.000.000           |

| NỘI DUNG |     |                                                                                                                            | KINH PHÍ    |
|----------|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
|          | 2   | Bệnh viện 175                                                                                                              | 25.000.000  |
|          | 3   | Bệnh viện 7A                                                                                                               | 25.000.000  |
|          | 4   | Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông                                                                                             | 25.000.000  |
|          | 5   | Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp                                                      | 25.000.000  |
|          | 6   | Khu Điều trị phong Bến Sắn                                                                                                 | 20.000.000  |
|          | 7   | Bệnh viện Nhi đồng 1                                                                                                       | 12.000.000  |
|          | 8   | Bệnh viện Nhi đồng 2                                                                                                       | 12.000.000  |
|          | 9   | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố                                                                                               | 12.000.000  |
|          | 10  | Bệnh viện Nguyễn Trãi                                                                                                      | 12.000.000  |
|          | 11  | Bệnh viện An Bình                                                                                                          | 12.000.000  |
|          | 12  | Bệnh viện Hùng Vương                                                                                                       | 12.000.000  |
|          | 13  | Bệnh viện Từ Dũ                                                                                                            | 12.000.000  |
|          | 14  | Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới                                                                                                   | 12.000.000  |
|          | 15  | Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Thành phố                                                                                 | 12.000.000  |
|          | 16  | Bệnh viện Nhân dân Gia Định                                                                                                | 12.000.000  |
|          | 17  | Bệnh viện Truyền máu huyết học                                                                                             | 12.000.000  |
|          | 18  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương                                                                                          | 12.000.000  |
|          | 19  | Bệnh viện 30/4                                                                                                             | 12.000.000  |
|          | 20  | Bệnh viện Chợ Rẫy                                                                                                          | 12.000.000  |
|          | 21  | Bệnh viện Thống Nhất                                                                                                       | 12.000.000  |
|          | 22  | Bệnh viện Ung bướu                                                                                                         | 12.000.000  |
|          | 23  | Bệnh viện Tâm thần Lê Minh Xuân                                                                                            | 12.000.000  |
|          | 24  | Bệnh viện cấp cứu Trưng Vương                                                                                              | 12.000.000  |
|          | 25  | Bệnh viện Nhân dân 115                                                                                                     | 12.000.000  |
|          | 26  | Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch                                                                                                  | 12.000.000  |
|          | 27  | Viện Y Dược học Dân tộc                                                                                                    | 12.000.000  |
|          | 28  | Bệnh viện Bình Dân                                                                                                         | 12.000.000  |
|          | 29  | Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức                                                                                          | 8.000.000   |
|          | 30  | Bệnh viện huyện Hóc Môn                                                                                                    | 8.000.000   |
|          | 31  | Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Củ Chi                                                                                     | 8.000.000   |
|          | 32  | Bệnh viện Da liễu                                                                                                          | 8.000.000   |
|          | 33  | Bệnh viện Tâm thần (cơ sở Hàm Tử, Quận 5)                                                                                  | 8.000.000   |
|          | 34  | Trung tâm Mai Hòa (huyện Củ Chi)                                                                                           | 8.000.000   |
|          | b.3 | Quà tết cho 10 Sơ (điều dưỡng) đang công tác tại Bệnh viện Nhân Ái (10.000.000 đồng/suất)                                  | 100.000.000 |
|          | b.4 | Quà tết cho Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố (Tập thể 12.000.000 đồng và 40 cá nhân x 1.300.000 đồng/suất) | 64.000.000  |
|          | b.5 | Dự phòng mua quà và chi phát sinh theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố                                               | 500.000.000 |



| NỘI DUNG |           |                                                                   | KINH PHÍ           |
|----------|-----------|-------------------------------------------------------------------|--------------------|
|          | <b>c)</b> | <b>Công an Thành phố:</b>                                         | <b>445.000.000</b> |
|          | c.1       | Thăm các đơn vị thuộc Công an Thành phố:                          | 310.000.000        |
|          | 1         | Trung đoàn Cảnh sát Cơ động (PK02E)                               | 35.000.000         |
|          | 2         | Phòng An ninh đối nội (PA02)                                      | 25.000.000         |
|          | 3         | Phòng CS điều tra tội phạm về trật tự xã hội (PC02)               | 25.000.000         |
|          | 4         | Phòng CS Điều tra tội phạm về ma túy (PC04)                       | 25.000.000         |
|          | 5         | Trại tạm giam Chí Hòa (PC11A)                                     | 25.000.000         |
|          | 6         | Trại tạm giam Bó Lá (PC11B)                                       | 25.000.000         |
|          | 7         | Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PC07)     | 25.000.000         |
|          | 8         | Phòng Cảnh sát Giao thông đường bộ - đường sắt (PC08)             | 25.000.000         |
|          | 9         | Phòng Ngoại tuyến (PA07)                                          | 25.000.000         |
|          | 10        | Trung đội 3 - Đại đội 4, Phòng Cảnh sát Bảo vệ (PK02)             | 25.000.000         |
|          | 11        | Công an Huyện Củ Chi                                              | 25.000.000         |
|          | 12        | Công an Huyện Cần Giờ                                             | 25.000.000         |
|          | c.2       | Thăm các đơn vị thuộc Bộ Công an                                  | 135.000.000        |
|          | 1         | Trung đoàn Cảnh sát cơ động Đông Nam Thành phố (E29)              | 25.000.000         |
|          | 2         | Trung đoàn Cảnh sát cơ động Tây Nam Bộ (E21)                      | 25.000.000         |
|          | 3         | Văn phòng Bộ Công an (V01)                                        | 25.000.000         |
|          | 4         | Bộ Tư lệnh Cảnh vệ (K01)                                          | 25.000.000         |
|          | 5         | Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động (K02)                                 | 25.000.000         |
|          | 6         | Tiểu đoàn Cảnh sát đặc nhiệm số 2                                 | 10.000.000         |
|          | <b>d)</b> | <b>Thăm các đơn vị Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố:</b>    | <b>155.000.000</b> |
|          | 1         | Cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố                    | 25.000.000         |
|          | 2         | Cơ quan Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu Cảng Thành phố            | 10.000.000         |
|          | 3         | Trạm Biên phòng cửa khẩu Khánh Hội                                | 10.000.000         |
|          | 4         | Trạm Biên phòng cửa khẩu Phú Mỹ                                   | 10.000.000         |
|          | 5         | Trạm Kiểm tra giám sát Trên Sông                                  | 10.000.000         |
|          | 6         | Trạm Biên phòng cửa khẩu Nhà Rồng                                 | 10.000.000         |
|          | 7         | Trạm Biên phòng cửa khẩu Hiệp Phước                               | 10.000.000         |
|          | 8         | Trạm Biên phòng cửa khẩu Tân Thuận                                | 10.000.000         |
|          | 9         | Trạm Biên phòng cửa khẩu Bến Nghé                                 | 10.000.000         |
|          | 10        | Trạm Biên phòng cửa khẩu Nhơn Trạch                               | 10.000.000         |
|          | 11        | Đồn Biên phòng Thạnh An - 554                                     | 10.000.000         |
|          | 12        | Đồn Biên phòng Cần Thạnh - 558                                    | 10.000.000         |
|          | 13        | Đồn biên phòng Long Hòa - 562                                     | 10.000.000         |
|          | 14        | Hải đội 2                                                         | 10.000.000         |
|          | <b>đ)</b> | <b>Thăm các đơn vị Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố:</b> | <b>248.000.000</b> |

| NỘI DUNG                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                 |  | KINH PHÍ               |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------|
| 1                                                                         | Cơ sở Cai nghiện ma túy số 1                                                                                                                                                                                                                    |  | 25.000.000             |
| 2                                                                         | Cơ sở Cai nghiện ma túy số 2                                                                                                                                                                                                                    |  | 25.000.000             |
| 3                                                                         | Cơ sở Cai nghiện ma túy số 3                                                                                                                                                                                                                    |  | 25.000.000             |
| 4                                                                         | Cơ sở xã hội Nhị Xuân                                                                                                                                                                                                                           |  | 25.000.000             |
| 5                                                                         | Trung tâm Giáo dục thường xuyên Thanh niên xung phong                                                                                                                                                                                           |  | 8.000.000              |
| 6                                                                         | 28 đội quản lý học viên của các cơ sở xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố (5.000.000 đồng/đội)                                                                                                      |  | 140.000.000            |
| <b>3. Thành ủy tổ chức họp mặt, đi thăm và tặng quà:</b>                  |                                                                                                                                                                                                                                                 |  | <b>1.977.500.000</b>   |
| a)                                                                        | Tặng quà cho cán bộ lão thành cách mạng; nguyên cán bộ lãnh đạo của Trung ương đang sống tại Thành phố Hồ Chí Minh và lãnh đạo Thành phố đã nghỉ hưu (239 suất)<br>(6.500.000 đồng/suất: tiền mặt 5.000.000 đồng và quà 1.500.000 đồng)         |  | 1.553.500.000          |
| b)                                                                        | Họp mặt, quà cho gia đình chính sách tiêu biểu :<br>- 10 vợ Liệt sĩ: 4.500.000 đồng/suất<br>(tiền mặt 3.000.000 đồng và quà 1.500.000 đồng)<br>- 44 con Liệt sĩ: 1.000.000 đồng/suất (tiền mặt)                                                 |  | 89.000.000             |
| c)                                                                        | Họp mặt, tặng quà cho các giáo sư, bác sĩ                                                                                                                                                                                                       |  | 200.000.000            |
| d)                                                                        | Tổ chức họp mặt và đưa các gia đình đi viếng Nghĩa trang Liệt sĩ                                                                                                                                                                                |  | 15.000.000             |
| đ)                                                                        | Họp mặt Câu lạc bộ hưu trí Thành phố                                                                                                                                                                                                            |  | 120.000.000            |
| <b>4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố đi thăm, tặng quà:</b> |                                                                                                                                                                                                                                                 |  | <b>5.000.000.000</b>   |
| a)                                                                        | Đoàn lãnh đạo Trung ương, Thành phố đi thăm các cơ sở cách mạng; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp các đơn vị đến chúc Tết                                                                                          |  | 4.500.000.000          |
| b)                                                                        | Dự phòng đột xuất                                                                                                                                                                                                                               |  | 500.000.000            |
| <b>5. Ban Dân tộc Thành phố đi thăm, tặng quà:</b>                        |                                                                                                                                                                                                                                                 |  | <b>359.000.000</b>     |
| a)                                                                        | Lão thành cách mạng, nhân sĩ trí thức, Mẹ Việt Nam anh hùng (07 người); nguyên lãnh đạo Ban Công tác người Hoa đã nghỉ hưu (08 người)<br>(2.000.000 đồng/suất: tiền mặt 1.500.000 đồng và quà 500.000 đồng)                                     |  | 30.000.000             |
| b)                                                                        | Đồng bào dân tộc thiểu số tiêu biểu (41 người)<br>(1.300.000 đồng/suất)                                                                                                                                                                         |  | 53.300.000             |
| c)                                                                        | Thăm, tặng quà các gia đình ở tỉnh Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Sóc Trăng, Đồng Nai và huyện Củ Chi, Hóc Môn, các quận nội thành Thành phố (113 gia đình và 10 cơ sở tín ngưỡng)<br>(2.000.000 triệu đồng tiền mặt/suất) |  | 275.700.000            |
| <b>II. QUÀ TẾT CHO CÁC DIỆN ĐỐI TƯỢNG</b>                                 |                                                                                                                                                                                                                                                 |  | <b>798.343.450.000</b> |
| 1                                                                         | <b>Diện chính sách có công:</b>                                                                                                                                                                                                                 |  | <b>383.119.100.000</b> |
| a)                                                                        | Mức chi 4.000.000 đồng/suất, 46 người                                                                                                                                                                                                           |  | 184.000.000            |
| b)                                                                        | Mức chi 3.100.000 đồng/suất, 479 người                                                                                                                                                                                                          |  | 1.484.900.000          |
| c)                                                                        | Mức chi 1.700.000 đồng/suất, 1.200 người                                                                                                                                                                                                        |  | 2.040.000.000          |
| d)                                                                        | Mức chi 1.300.000 đồng/suất, 291.854 người                                                                                                                                                                                                      |  | 379.410.200.000        |

| NỘI DUNG           |                                                                                                                                                                                                                                                   |  | KINH PHÍ        |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------|
| 2                  | Cựu tù chính trị và tù binh chưa được hưởng chính sách:<br>(1.200.000 đồng/suất, 120 người)                                                                                                                                                       |  | 144.000.000     |
| 3                  | Hộ dân nghèo:<br>(1.250.000 đồng/suất, 18.682 hộ)                                                                                                                                                                                                 |  | 23.352.500.000  |
| 4                  | Diện bảo trợ xã hội: (1.150.000 đồng/suất, 150.727 người), trong đó:                                                                                                                                                                              |  | 173.336.050.000 |
| a)                 | - Diện trợ cấp xã hội thường xuyên là 61.271 người                                                                                                                                                                                                |  | 70.461.650.000  |
| b)                 | - Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên là 89.197 người                                                                                                                                                                                            |  | 102.576.550.000 |
| c)                 | - Diện mất sức lao động chuyển sang hưởng TCXH là 259 người                                                                                                                                                                                       |  | 297.850.000     |
| 5                  | Hộ giữ rừng Cần Giờ có hoàn cảnh khó khăn:<br>(1.000.000 đồng/suất, 32 hộ)                                                                                                                                                                        |  | 32.000.000      |
| 6                  | Quà tặng 120 người có công, hộ nghèo, người cao tuổi tại các quận, huyện được Lãnh đạo thành phố đi thăm tết:<br>(5.000.000 đồng/suất: tiền mặt 3.000.000 đồng và quà 2.000.000 đồng)                                                             |  | 600.000.000     |
| 7                  | Quà tặng 24 người bị ảnh hưởng Covid-19 gặp khó khăn tại các quận, huyện được Lãnh đạo thành phố thăm tết:<br>(2.200.000 đồng/suất: tiền mặt 1.000.000 đồng và quà 1.200.000 đồng)                                                                |  | 52.800.000      |
| 8                  | 159 phần quà tặng các đơn vị được Lãnh đạo thành phố đi thăm tết:<br>(2.000.000 đồng/suất)                                                                                                                                                        |  | 318.000.000     |
| 9                  | Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khu vực hành chính, sự nghiệp (không bao gồm cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động):<br>(1.500.000 đồng/suất, 144.926 người), trong đó |  | 217.389.000.000 |
| a)                 | Khối Thành phố, quận, huyện và phường, xã, thị trấn (127.632 người)                                                                                                                                                                               |  | 191.448.000.000 |
| b)                 | Khối ngành dọc Thành phố và quận, huyện (17.233 người)                                                                                                                                                                                            |  | 25.849.500.000  |
| c)                 | SOS Làng Trẻ em Thành phố (61 người)                                                                                                                                                                                                              |  | 91.500.000      |
| TỔNG CỘNG (I + II) |                                                                                                                                                                                                                                                   |  | 813.104.245.000 |

Tổng dự toán kinh phí chăm lo Tết Tân Sửu năm 2021 là **813.104.245.000** đồng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**